

Bản án số: 348/2026/HS-PT

Ngày: 04 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán:

Ông Võ Hồng Sơn;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 749/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Thị H và Nguyễn Trọng K. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Thị H, sinh ngày 28/10/1988 tại Thanh Hóa; số CCCD: 038188000561; nơi ĐKKTT: Tổ dân phố N, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đ, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay: Nhà nghỉ S, khu B phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đ, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Lê Thị H1; có chồng và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/02/2025; tạm giam ngày 07/3/2025 đến ngày 10/4/2025 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh; hiện tại ngoại; vắng mặt.

2. Nguyễn Trọng K, sinh ngày 12/8/1992 tại Hải Phòng; số CCCD: 031092000891; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, Hải Phòng (nay là xã C, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng H2 và bà Hoàng Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/02/2025 đến ngày 08/3/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại**

điện hợp pháp của người liên quan không kháng cáo; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 26/02/2025, Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang tại quán K2, địa chỉ ở Khu B, phường V, quận Đ, Hải Phòng (nay là phường Đ, thành phố Hải Phòng) do Lê Văn D1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987 tại Thanh Hóa; số CCCD: 038087051471; nơi thường trú: Khu phố A, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: Số C T, phường V, quận Đ, Hải Phòng (nay phường Đ, thành phố Hải Phòng) làm quản lý có 03 đôi nam nữ thực hiện hành vi mua bán dâm, cụ thể:

Tại phòng 104, đôi nam nữ mua bán dâm là Vũ Hữu T, sinh năm 1992 trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, Hải Phòng (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) và Nguyễn Thị T1, sinh năm 2002 trú tại thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang).

Tại phòng 105, đôi nam nữ mua bán dâm là Nguyễn Trọng K và Hoàng Thị Kim U, sinh ngày 01/3/2008, trú tại Bản Hy, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là xã K, tỉnh Lai Châu).

Tại phòng 108, đôi nam nữ mua bán dâm là Vũ Bá T2, sinh năm 1984 trú tại Đ, thôn Đ, xã N, huyện K, Hải Phòng (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) và Hoàng Thị Ái N1, sinh năm 2005 trú tại thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã X, tỉnh Lào Cai).

Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với Lê Văn D1, Nguyễn Trọng K, thu giữ: 01 đầu thu dữ liệu camera nhãn hiệu HikVision; 01 máy vi tính để bàn nhãn hiệu Dell; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu VSP; 05 quyển sổ ghi chép; 30 hoá đơn tính tiền và một số tài liệu liên quan khác; T3 03 vỏ bao cao su và 03 bao cao su đã qua sử dụng trong các Phòng số 104, 105 và 108; Thu 06 điện thoại di động, 01 ví da bên trong có 21 bao cao su chưa qua sử dụng và số tiền 11.865.000 đồng. Trong đó thu của K số tiền 95.000 đồng, của T1 số tiền 1.400.000 đồng, của T2 số tiền 5.500.000 đồng, của N1 số tiền 650.000 đồng và của U số tiền 4.220.000 đồng.

Thời điểm bắt giữ, tại quán còn có Hà Văn T4, sinh năm 2003, trú tại tỉnh Thanh Hoá; Trần Xuân Q, sinh năm 1993 trú tại tỉnh Nghệ An; Lê Đức H3, sinh năm 2002 trú tại tỉnh Thanh Hoá; Đinh Xuân Đ, sinh năm 1983 trú tại thành phố Hải Phòng và Vũ Đức K1, sinh năm 2000 trú tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) là nhân viên phục vụ tại quán.

Quá trình điều tra, xác định: Lê Thị H cùng chồng là Đặng Quốc V, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố N, phường H, quận Đ, Hải Phòng (nay là phường Đ, thành phố Hải Phòng) là chủ quán K2 chuyên kinh doanh dịch vụ phòng hát karaoke. Khoảng tháng 01/2025, Đặng Quốc V ủy quyền cho anh vợ là Lê Văn D1 điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh, quản lý nhân viên tại quán K2. Bản thân V không tham gia vào điều hành hoạt động kinh doanh. Mọi hoạt động tại quán do

Lê Thị H trực tiếp điều hành thông qua anh trai là Lê Văn D1. H trả công cho D1 15.000.000 đồng/tháng. Tại quán K2 có bố trí các phòng hát karaoke, phòng nghỉ cho khách thuê lưu trú và phòng nghỉ để chứa mại dâm khi khách có nhu cầu mua dâm. Để điều hành hoạt động, H giao cho D1 làm nhiệm vụ quản lý quán và thực hiện hoạt động chứa mại dâm còn bản thân H thuê nhà nghỉ S ở khu B, phường V, quận Đ, Hải Phòng (nay là phường Đ, thành phố Hải Phòng) để nuôi ăn, ở cho các nhân viên nữ phục vụ việc rót bia, bấm bài và bán dâm tại quán K2. Nếu không đủ nhân viên để bán dâm thì H giao cho D1 tìm gái bán dâm bên ngoài về phục vụ khách. Ngoài ra, H còn thuê các nhân viên Hà Văn T4, Trần Xuân Q, Lê Đức H3, Đinh Xuân Đ và Vũ Đức K1 làm nhiệm vụ trông xe, bảo vệ, dọn vệ sinh tại quán. Khi khách có nhu cầu mua dâm thì D1 sẽ bố trí phòng nghỉ cho khách và liên hệ với H để điều gái đến bán dâm. Số tiền khách mua dâm phải trả cho việc quan hệ tình dục với gái bán dâm là 500.000 đồng/01 lần (01 giờ), trong đó gái bán dâm được hưởng 300.000 đồng, H giữ lại 200.000 đồng. Ngoài ra, D1 thu của khách từ 200.000 đến 300.000 đồng tiền phòng, sau đó tập hợp lại và chuyển cho H. Nếu khách sử dụng phòng qua đêm thì phải trả số tiền từ 2.000.000 đồng đến 2.200.000 đồng/1 nhân viên/1 đêm. Trong số tiền này, H chỉ đạo D1 thu 500.000 đồng tiền phòng, số tiền còn lại sẽ trả cho gái bán dâm. Để thuận tiện cho việc thanh toán với khách, D1 và H quy ước nếu khách sử dụng phòng nghỉ để quan hệ với gái bán dâm 01 lần (còn gọi là đi nhanh) thì trên hoá đơn sẽ thể hiện ở mục “*Tên hàng*” là “*Cua thịt 1*”. Nếu khách sử dụng phòng qua đêm để mua dâm thì mục “*Tên hàng*” thể hiện là “*Tôm hùm*”.

Khoảng 20 giờ ngày 26/02/2025, anh Vũ Bá T2 đi cùng anh Vũ Hữu T, Mạc Đức T5, sinh năm 1983 và Vũ Thọ H4, sinh năm 1990 cùng trú tại xã N, huyện K (nay là xã K), thành phố Hải Phòng đến quán K2 để hát Karaoke và yêu cầu D1 gọi nhân viên nữ phục vụ rót bia, bấm bài. Sau đó D1 gọi cho H đề nghị cung cấp nhân viên sang quán K2. H điều Hoàng Thị Ái N1 và Nguyễn Thị T1 từ Nhà nghỉ S đến quán K2 để phục vụ rót bia, bấm bài và bán dâm cho nhóm anh T2. Tại phòng hát VIP 4 anh T2 và anh T gợi ý, thoả thuận mua dâm Nghiệp và T1, cả hai đồng ý. T1 đưa T vào Phòng 104, N1 đưa T2 vào phòng số 108 để mua bán dâm còn T5 và H4 ở lại phòng tiếp tục hát Karaoke. Cùng thời điểm này, Nguyễn Trọng K cũng đến quán K2 để đặt vấn đề riêng với D1 về việc mua dâm nhân viên nữ. D1 đồng ý, do Nhà nghỉ S không còn nhân viên phục vụ nên D1 yêu cầu Vũ Đức K1 đang làm nhiệm vụ trông xe gọi thêm nhân viên nữ ở quán khác đến rót bia, bấm bài. Khương thấy Hoàng Thị Kim U đang đứng phía trước nhà Nghỉ S1 (Khu B Đ) nên đi đến hỏi: “*Có sang rót bia cho khách không?*”. U đồng ý rồi đi sang quán K2. Tại quán D1 hỏi U: “*Có đi khách không?*”, U trả lời: “*có*”. Sau đó U đưa K vào phòng 104, khi cả hai đang mua bán dâm thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Ngày 27/02/2025, Lê Thị H bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp số 275 ngày 27/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị H tại Nhà nghỉ S, khu B, phường V, quận Đ (nay là phường Đ), thành phố Hải Phòng thu giữ tại phòng ngủ tầng 1: 01 “*Danh sách người làm trong cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh*

trật tự”, 02 quyển sổ, 01 Căn cước công dân số 008302005292 mang tên Nguyễn Thị T1.

Kết quả kiểm tra 30 hoá đơn thu giữ tại quán K2 xác định: Có 26 phiếu tính tiền trong các ngày 22, 23, 24, 25, 26/02/2025 ghi nhận có 84 lượt khách sử dụng phòng mua bán dâm đơn lẻ ký hiệu “*Cua thít 1*”, 13 lượt khách sử dụng phòng đề mua bán dâm qua đêm ký hiệu “*Tôm hùm*”. Tổng số tiền ghi trên các hoá đơn là 31.400.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Lê Thị H, Lê Văn D1, Nguyễn Trọng K khai nhận phù hợp nội dung nêu trên. D1 khai: Hàng ngày D1 đều thông báo lại cho H hoạt động kinh doanh của quán bao gồm số lần, số lượt khách tới mua dâm. Doanh thu của quán sẽ được D1 tổng hợp, ghi chép rồi chuyển tiền cho H vào cuối ngày đồng thời huỷ bản ghi ngay sau đó.

Tại Cáo trạng số 186/CT-VKS-P2 ngày 18/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Lê Thị Hương, Lê Văn tị “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Trọng K về tội “Mua dâm người dưới 18 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 11/9/2025, bị cáo Lê Văn D1 đã chết, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo Lê Văn D1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 276/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 327, điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị H.

- Áp dụng khoản 1 Điều 329, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng K. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Chứa mại dâm”, bị cáo Nguyễn Trọng K phạm tội “Mua dâm người dưới 18 tuổi”

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ 27/02/2025 đến 10/4/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ 27/02/2025 đến 08/3/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/10/2025 bị cáo Nguyễn Trọng K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 09/10/2025, bị cáo Lê Thị H kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lê Thị H vắng mặt lần thứ ba không có lý do nhưng có ông Nguyễn Tuấn A là người được bị cáo mời để tham gia bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm nhưng chưa làm thủ tục hợp lệ nên chỉ thay mặt cho bị cáo nộp một số tài liệu mới tại phiên tòa với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Trọng K giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử; bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị cáo đề nghị xin được hưởng án treo. Lý do: Bị cáo có uống rượu nên nảy sinh ham muốn tình dục nhưng bị cáo không quen và không biết cháu U là gái bán dâm chưa đủ 18 tuổi; bị cáo có thư khen của công ty nơi bị cáo làm việc về việc bị cáo tích cực tham gia công tác phòng chống cơn bão Jagi; gia đình bị cáo có bác ruột là Liệt sỹ, hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng; bị cáo là lao động chính và mới lập gia đình, vợ và con của vợ bị cáo đều thường xuyên ốm đau phải điều trị tại bệnh viện. Mong HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ nội dung kháng cáo của các bị cáo, kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị H về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 327; xét xử bị cáo Nguyễn Trọng K về tội “Mua dâm người dưới 18 tuổi” theo khoản 1 Điều 329 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Đối với bị cáo Lê Thị H tại phiên tòa vắng mặt lần thứ ba không có lý do chính đáng; có ông Nguyễn Tuấn A là người được bị cáo mời bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nhưng chưa làm thủ tục hợp lệ nên chỉ thay mặt cho bị cáo nộp một số tài liệu mới nên tư cách Luật sư không được chấp nhận, đề nghị xem xét các tài liệu mới đối với bị cáo H như bị cáo tham gia ủng hộ Cu Ba số tiền 10.000.000 đồng, gia đình có công Cách mạng, đã nộp án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo chứa mại dâm 03 người, trong đó có người dưới 18 tuổi có khung hình phạt từ 05 năm tù. Tại bản án sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và chỉ phạt bị cáo 04 năm tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Nay không có căn cứ để giảm thêm hình phạt cũng như cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Thị H.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng K: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; có thêm tình tiết giảm nhẹ mới về hoàn cảnh gia đình, bị cáo mới lấy vợ, vợ và con của bị cáo thường xuyên phải điều trị bệnh có hồ sơ bệnh án kèm theo; bị cáo có bác ruột là Liệt sỹ hiện gia đình đang thờ cúng, gia đình bị cáo được tặng danh hiệu Gia đình vẻ vang, bị cáo có giấy khen của Công ty nơi bị cáo làm việc về việc bị cáo tích cực tham gia phòng chống cơn bão Jagi năm 2024; bị cáo là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm

tội khó có khả năng nhận biết người bán dâm dưới 18 tuổi. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phù hợp với mức độ phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị H và của bị cáo Nguyễn Trọng K đều trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị H vắng mặt lần thứ ba không có lý do; có ông Nguyễn Tuấn A nộp thủ tục đề nghị công nhận tư cách người bào chữa cho bị cáo (nộp chiều ngày 29/9/2026 qua bộ phận văn thư là sau khi Tòa án cấp phúc thẩm đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ ba). Do vậy, HĐXX không công nhận tư cách người bào chữa của ông Nguyễn Tuấn A. Các tài liệu do ông Nguyễn Tuấn A nộp thay cho bị cáo H được chấp nhận trong quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa khi xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Trọng K nộp thêm tài liệu mới về việc đã nộp án phí sơ thẩm, gia đình có công Cách mạng; bị cáo mới kết hôn và tài liệu khám chữa bệnh của vợ và con của vợ của bị cáo, giấy khen của công ty nơi bị cáo làm việc về việc bị cáo tham gia phòng chống bão năm 2024. Các tài liệu này được công khai tranh tụng để xét.

Về hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đối với các bị cáo được các cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị H và của bị cáo Nguyễn Trọng K:

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị H: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H vắng mặt nên không có lời khai thừa nhận về hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã xác định rõ, nội dung kháng cáo của bị cáo chỉ là xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo không kêu oan. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thấy vụ án được phát hiện quả tang, tại hiện trường cơ sở kinh doanh do bị cáo làm chủ phát hiện 03 đôi nam nữ đang thực hiện mua bán dâm, trong đó có đôi tượng bán dâm dưới 18 tuổi là Hoàng Thị Kim U. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 01/2025 đến ngày 26/02/2025, tại quán K2 ở Khu B, phường V, quận Đ, Hải Phòng (nay là phường Đ, thành phố Hải Phòng), Lê Thị H và Lê Văn D1 đã tổ chức, chứa chấp, bố trí địa điểm cho hoạt động mại dâm diễn ra nhiều

lần với 84 lượt khách sử dụng phòng tại quán để mua bán sâm một lần và 13 lượt khách mua bán sâm qua đêm. Tổng số tiền H thu lợi bất chính là 31.400.000 đồng. Thời điểm bị bắt quả tang tại quán K3 phát 79 có Nguyễn Trọng K mua sâm Hoàng Thị Kim U khi U mới 16 tuổi 11 tháng 25 ngày. Ngày 11/9/2025, bị cáo Lê Văn D1 đã chết, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định đình chỉ vụ án đối với Lê Văn D1 nên không xem xét trách nhiệm của bị cáo D1 tại bản án này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị H về tội “Chứa mại sâm” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan. Xét hình phạt tại bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo 04 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét đủ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và phù hợp; tại cấp phúc thẩm, bị cáo H tuy có thêm một số tài liệu mới như bị cáo tham gia ủng hộ Cu Ba số tiền 10.000.000 đồng, gia đình có công Cách mạng, đã nộp án phí sơ thẩm nhưng là tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không làm thay đổi bản chất, mức độ hành vi của bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cũng như cho bị cáo được hưởng án treo.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng K:

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục thừa nhận và ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xác định. Bị cáo nộp thêm tài liệu mới, cụ thể: Giấy khen của Công ty về việc bị cáo tích cực tham gia chống con bão Jagi năm 2024; gia đình bị cáo là gia đình vẻ vang, có bác ruột là Liệt sỹ và hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng; khi bị cáo thực hiện hành vi mua sâm thì bị cáo không biết đối tượng Hoàng Thị Kim U là người dưới 18 tuổi vì thực tế đối tượng này được quản lý quán Karaoke gọi từ bên ngoài vào; bị cáo mới lấy vợ, vợ và con của vợ bị cáo thường xuyên phải điều trị có hồ sơ bệnh án kèm theo, bị cáo là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã nộp án phí sơ thẩm. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phù hợp với mức độ phạm tội của bị cáo như quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng K được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Lê Thị H không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo *Lê Thị H*; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân

thành phố Hải Phòng đối với bị cáo *Lê Thị H*, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo *Lê Thị H* phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 327, điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo *Lê Thị H* 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ 27/02/2025 đến 10/4/2025.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo *Nguyễn Trọng K*; sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo *Nguyễn Trọng K*, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo *Nguyễn Trọng K* phạm tội “Mua dâm người dưới 18 tuổi”.

Áp dụng khoản 1 Điều 329, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo *Nguyễn Trọng K* 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên bản án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Hải Phòng giám sát giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo *Lê Thị H* phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo *Nguyễn Trọng K* không phải chịu.

Xác nhận bị cáo đã nộp

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Nguyễn Tiến Dũng

Nguyễn Vũ Đông

Nơi nhận:

- Viện phúc thẩm 1;
- TAND TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- CQTHAHS CA TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Chấn Hưng, TP Hải Phòng (để quản lý, giám sát bị cáo Khỏe);
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông